

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 531/2019/DS-ST  
Ngày: 18/9/2019  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Phương Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
2. Ông Huỳnh Văn Đẹp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:** Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 695/2018/TLST-DS ngày 05/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST-DS ngày 05/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2019/QĐST-DS ngày 28/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số S miếu G, phường A, quận B, TP Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Võ Đình T1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số F ấp T, xã R, huyện H, TP Hồ Chí Minh.

3. *Người làm chứng:* Ông Tô Hữu Th (vắng mặt)

Địa chỉ: Số L, Phường M, Quận N, TP Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Ngày 14/5/2016, bà T có cho Ông Võ Đình T1 vay số tiền 100.000.000đồng, khi nào bà T cần tiền sẽ báo trước cho Ông T1 biết, sau 06 tháng kể từ ngày vay tiền Ông T1 sẽ trả lại đủ số tiền vay, lãi suất thỏa thuận miệng là 4%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng. Giữa bà T và Ông T1 đã ký Giấy vay tiền ngày 14/05/2016, không có công chứng, chứng thực. Ngay sau khi ký giấy vay tiền, Ông T1 đã nhận đủ số tiền 100.000.000đồng, có ký xác nhận vào mặt sau của Giấy vay tiền này.

Ngày 15/3/2017, bà T tiếp tục cho Ông T1 vay số tiền 50.000.000đồng, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 4%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng. Giữa bà T và Ông T1 đã ký Giấy vay tiền ngày 15/3/2017, không có công chứng chứng thực. Ngay sau khi ký giấy vay tiền, Ông T1 đã nhận đủ số tiền 50.000.000đồng, có ký xác nhận vào mặt sau của Giấy vay tiền này.

Sau khi vay tiền lần đầu, hàng tháng Ông T1 đã trả cho bà T tiền lãi theo Giấy vay tiền ngày 14/5/2016 là 10 tháng tiền lãi (từ ngày 14/5/2016 đến 14/3/2017) với số tiền 4.000.000đồng/tháng, tổng cộng tiền lãi Ông T1 đã đưa bà T là 40.000.000đồng. Việc trả lãi không có ghi giấy tờ. Vì thấy Ông T1 trả lãi đều đặn nên bà T mới tin tưởng và cho Ông T1 vay tiếp số tiền 50.000.000đồng như trên. Từ ngày 15/3/2017, Ông T1 không trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho bà T theo thỏa thuận trong các Giấy vay tiền đã ký giữa bà T và Ông T1.

Bà T chỉ cho cá nhân Ông T1 vay tiền, không có liên quan đến người nào khác. Số tiền bà T cho Ông T1 vay là tài sản riêng của bà T, không có liên quan đến chồng bà T hoặc người nào khác.

Ông Tô Hữu Th là người làm chứng việc bà T cho Ông T1 vay tiền, Ông Th là người viết giùm Ông T1 Giấy vay tiền ngày 14/05/2016 và Giấy vay tiền ngày 15/3/2017.

Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu cá nhân Ông Võ Đình T1 trả cho bà T số tiền 100.000.000đồng theo Giấy vay tiền ngày 14/5/2016 và số tiền 50.000.000đồng theo Giấy vay tiền ngày 15/3/2017. Tuy nhiên, nay bà T trừ số tiền lãi mà Ông T1 đã trả bà T là 40.000.000đồng vào tiền nợ gốc của Giấy vay tiền ngày 14/5/2016. Nay bà T chỉ yêu cầu Ông T1 trả cho bà T tổng cộng 110.000.000đồng tiền nợ gốc còn lại. Việc trả tiền thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T không yêu cầu Ông T1 trả tiền lãi từ khi vay tiền đến khi Tòa án xét xử.

Bị đơn Ông Võ Đình T1 vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

*Người làm chứng Ông Tô Hữu Th trình bày:*

Ông Võ Đình T1 và bà Lê Thị T đều là người quen của Ông Tô Hữu Th. Vì Ông T1 nhờ nên Ông Th giới thiệu bà T cho Ông T1 để Ông T1 vay tiền. Ông T1 vay tiền của bà T 02 lần: Lần đầu là ngày 14/5/2016, số tiền vay 100.000.000đồng; Lần sau là vào ngày 15/3/2017, số tiền vay 50.000.000đồng.

Ông Th là người làm chứng nên bà T đưa tiền cho Ông Th trực tiếp giao cho Ông T1 và làm giấy tờ vay tiền có chữ ký xác nhận của Ông T1 đã nhận đủ tiền và Ông Th cũng có ký tên với tư cách người làm chứng. Ông Th là người viết giùm cho Ông T1 Giấy vay tiền ngày 14/5/2016 và Giấy vay tiền ngày 15/3/2017. Ông T1 là người ký tên và viết “đã nhận đủ tiền” tại Giấy vay tiền ngày 14/5/2016, ký tên và viết “đã nhận đủ 50.000.000đ” tại Giấy vay tiền ngày 15/3/2017.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thủ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn cư trú cuối cùng tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[5] Trong quá trình tố tụng, vì bị đơn Ông T1 không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh hoặc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được.

[6] Giấy vay tiền ngày 14/5/2016 do các bên xác lập trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Giấy vay tiền ngày 15/3/2017 được xác lập sau khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[7] Tại Tòa án, nguyên đơn bà T xuất trình Giấy vay tiền ngày 14/05/2016 và Giấy vay tiền ngày 15/3/2017. Giấy vay tiền ngày 14/05/2016 có nội dung là ngày 14/5/2016, Ông T1 vay của bà T số tiền 100.000.000đồng và sau 06 tháng kể từ ngày vay tiền Ông T1 sẽ trả đủ số tiền đã vay. Giấy vay tiền ngày 15/3/2017 có nội dung là ngày 15/3/2017, Ông T1 vay của bà T số tiền 50.000.000đồng và sau 06 tháng kể từ ngày vay tiền Ông T1 sẽ trả đủ số tiền đã vay. Các Giấy vay tiền có chữ ký và ghi tên Võ Đình Toàn, có chữ ký và ghi tên người làm chứng Tô Hữu Thiện. Ông Tô Hữu Th là người làm chứng xác nhận Ông T1 đã nhận đủ số tiền vay và ký tên vào các giấy vay tiền. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở xác định ngày 14/5/2016 Ông T1 có vay của bà T số tiền 100.000.000đồng và ngày 15/3/2017 Ông T1 có vay của bà T số tiền 50.000.000đồng, tổng cộng là 150.000.000đồng như bà T khai.

[8] Bà T thừa nhận Ông T1 có trả cho bà T được 40.000.000đồng tiền lãi theo Giấy vay tiền ngày 14/05/2016 và hiện nay bà T đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận này vào nợ gốc. Nay bà T yêu cầu Ông T1 trả số tiền nợ gốc tổng cộng là 110.000.000đồng. Hội đồng xét xử nhận định đây là sự tự nguyện của bà T và phù hợp với quy định pháp luật nên căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc Ông T1 phải trả cho bà T tiền nợ gốc theo Giấy vay tiền ngày 14/05/2016 là 60.000.000đồng và theo Giấy vay tiền ngày 15/3/2017 là 50.000.000đồng, tổng cộng là 110.000.000đồng.

[9] Bà T không yêu cầu Ông T1 trả tiền lãi trên số tiền vay từ ngày cho vay đến khi xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi.

[10] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về việc trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc Ông Võ Đình T1 trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ gốc còn lại tổng cộng là 110.000.000đồng (một trăm mười triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 14/05/2016 và Giấy vay tiền ngày 15/3/2017, các giấy vay tiền này có chữ ký và ghi tên Võ Đình Toàn, có chữ ký và ghi tên người làm chứng Tô Hữu Thiện.

Việc trả tiền thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà Ông Võ Đình T1 không thi hành khoản tiền nêu trên thì Ông Võ Đình T1 còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Võ Đình T1 phải chịu 5.500.000đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0004337 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Phương Nam**

